

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 01/TTr-SNNPTNT ngày 02/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *VC*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, pmtrang.



Lê Thị Minh Phụng

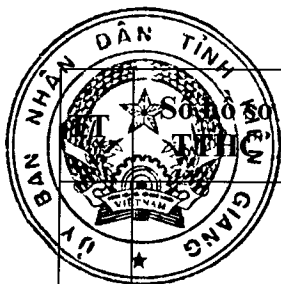


DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

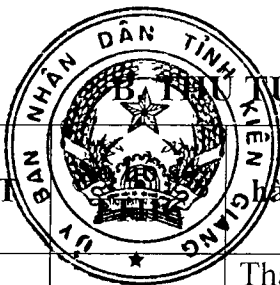
(Ban hành kèm theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
1	1.003363	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	a) Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế: 47 (bốn mươi bảy) ngày làm việc b) Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế: 67 (sáu mươi bảy) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ NN&PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác



		Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
2	1.00336	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác.	35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ NN&PTNT Quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
3	1.003768	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Trong thời hạn 19 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ NN&PTNT Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh
4	1.005342	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)					

**TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	
1	1.004462	Thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	Trong thời hạn 19 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh
2	1.005337	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)					